

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ trồng rừng sản xuất năm 2016 trên địa bàn huyện Mường Lát từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Thông tư số 85/2014/TT-BTC ngày 30/6/2014 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình lâm sinh thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4763/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2017 của tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 2772/QĐ-UBND ngày 24/8/2012 về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển sản xuất lâm, nông nghiệp nhằm thực hiện mục tiêu giảm nghèo nhanh, bền vững huyện Mường Lát giai đoạn 2011-2015; số 1467/QĐ-UBND ngày 11/5/2011 và số 843/QĐ-UBND ngày 15/3/2013 về việc phê duyệt điều chỉnh Mục II, Điều 1, Quyết định số 1467/QĐ-UBND về mức hỗ trợ đầu tư phát triển rừng và bảo vệ rừng, giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 396/QĐ-UBND ngày 01/2/2016 về việc giao Kế hoạch vốn trồng rừng sản xuất năm 2016 và bổ sung vốn trồng rừng còn thiếu năm 2013 cho huyện Mường Lát từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 3151/STC-TCDN ngày 28/7/2017 về việc phê duyệt quyết toán và giao vốn còn thiếu sau quyết toán kinh phí hỗ trợ trồng rừng sản xuất năm 2016 trên địa bàn huyện Mường Lát từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ trồng rừng sản xuất năm 2016 trên địa bàn huyện Mường Lát từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế, với nội dung như sau:

- Đơn vị làm chủ đầu tư: 10 đơn vị.
- Nguồn vốn hỗ trợ: Nguồn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh.

- Địa điểm trồng rừng: Tại các xã huyện Mường Lát.
- Diện tích trồng rừng thực hiện năm 2016: 1.500 ha.
- Kinh phí hỗ trợ diện tích trồng rừng năm 2016 quyết toán: 15.855 triệu đồng.
- Kinh phí còn thiếu sau quyết toán đề nghị bổ sung: 3.143,2 triệu đồng (*Ba tỷ, một trăm bốn mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng*).

(Có Phụ biểu chi tiết kèm theo).

- Nguồn vốn: Nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2017 thực hiện Chính sách phát triển lâm, nông nghiệp huyện Mường Lát.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Tài chính thông báo vốn còn thiếu cho các chủ dự án để tổ chức thực hiện; phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao hướng dẫn, quản lý, giám sát, kiểm tra quá trình thực hiện của các đơn vị theo đúng quy định của pháp luật.

2. Chủ dự án chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, thanh toán nguồn kinh phí hỗ trợ đúng mục đích và bàn giao diện tích rừng trồng cho các hộ gia đình, các đơn vị quản lý, chăm sóc bảo vệ rừng trồng theo quy định hiện hành.

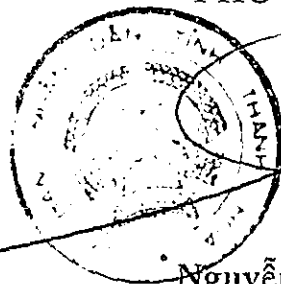
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Mường Lát; Chủ tịch UBND các xã có diện tích trồng rừng trên địa bàn huyện Mường Lát; các Chủ dự án; Thủ trưởng các ngành, đơn vị và tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Các đơn vị có liên quan
 - Lưu: VT, NN.
- (MC86)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

Phụ biểu 01: BẢNG TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2016
HUYỆN MƯỜNG LÁT TỪ NGUỒN SỰ NGHIỆP KINH TẾ
 (Kèm theo Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

T T	ĐƠN VỊ	Đơn vị đề nghị quyết toán						Kết quả thẩm tra đề nghị quyết toán						Kinh phí đã hỗ trợ năm 2016 (QĐ số 396/QĐ- UBND ngày 01/02/2016) (Triệu đồng)	Kinh phí còn thiếu sau quyết toán đề nghị bổ sung (Triệu đồng)
		Khối lượng (ha)	Kinh phí hỗ trợ	Trong đó				Khối lượng (ha)	Kinh phí hỗ trợ (Triệu đồng)	Trong đó					
				Vốn lâm sinh	Khảo sát thiết kế	Khuyế n lâm	Quản lý dự án			Vốn lâm sinh (Triệu đồng)	Khảo sát thiết kế	Khuyế n lâm	Quản lý dự án		
	TỔNG SỐ	1.500,0	15.855,0	14.437,5	112,5	450,0	855,0	1.500,0	15.855,0	14.437,5	112,5	450,0	855,0	12.711,8	3.143,2
1	Ban QLDA huyện Mường Lát	110,0	1.158,1	1.058,8	8,3	33,0	58,1	110,0	1.158,1	1.058,8	8,3	33,0	58,1	930,0	228,1
2	Hạt Kiểm lâm Mường Lát	310,0	3.263,7	2.983,8	23,3	93,0	163,7	310,0	3.263,7	2.983,8	23,3	93,0	163,7	2.610,0	653,7
3	Ban QLRPH Mường Lát	240,0	2.526,7	2.310,0	18,0	72,0	126,7	240,0	2.526,7	2.310,0	18,0	72,0	126,7	2.020,0	506,7
4	Đoàn Kinh tế Quốc phòng 5	240,0	2.526,7	2.310,0	18,0	72,0	126,7	240,0	2.526,7	2.310,0	18,0	72,0	126,7	2.020,0	506,7
5	Đồn Biên phòng Quang Chiêu (48)	80,0	842,2	770,0	6,0	24,0	42,2	80,0	842,2	770,0	6,0	24,0	42,2	680,0	162,2
6	Đồn Biên phòng Tén Tằn (485)	50,0	526,4	481,3	3,8	15,0	26,4	50,0	526,4	481,3	3,8	15,0	26,4	438,8	87,6
7	Đồn Biên phòng Tam Chung (483)	80,0	842,2	770,0	6,0	24,0	42,2	80,0	842,2	770,0	6,0	24,0	42,2	670,0	172,2
8	Đồn Biên phòng Pù Nhi (493)	80,0	842,2	770,0	6,0	24,0	42,2	80,0	842,2	770,0	6,0	24,0	42,2	670,0	172,2
9	Đồn Biên phòng Trung Lý (491)	80,0	842,2	770,0	6,0	24,0	42,2	80,0	842,2	770,0	6,0	24,0	42,2	670,0	172,2
10	Khu BTTN Pù Hu	230,0	2.421,4	2.213,8	17,3	69,0	121,4	230,0	2.421,4	2.213,8	17,3	69,0	121,4	1.940,0	481,4
11	Sở Tài Chính		15,0				15,0		15,0				15,0	15,0	
12	Chi cục Lâm nghiệp		48,0				48,0		48,0				48,0	48,0	

**Phụ biểu 02: TỔNG HỢP KINH PHÍ TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2016 CÒN THIẾU SAU QUYẾT
TOÁN HUYỆN MƯỜNG LÁT TỪ NGUỒN SỰ NGHIỆP KINH TẾ**
(Kèm theo Quyết định số: 3231 /QĐ-UBND ngày 20 / 8 /2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	ĐƠN VỊ	Khối lượng (ha)	Kinh phí quyết toán					Kinh phí đã hỗ trợ năm 2016 (QĐ số 396/QĐ-UBND ngày 01/02/2016)	Kinh phí còn thiếu sau quyết toán đề nghị hỗ sung	Ghi chú
			Tổng kinh phí hỗ trợ	Trong đó						
				Vốn lâm sinh	Khảo sát thiết kế	Khuyến lâm	Quản lý dự án			
TỔNG SỐ		1.500,0	15.855,0	14.437,5	112,5	450,0	855,0	12.711,8	3.143,2	
1	Ban QLDA huyện Mường Lát	110,0	1.158,1	1.058,8	8,3	33,0	58,1	930,0	228,1	
2	Hạt Kiểm lâm Mường Lát	310,0	3.263,7	2.983,8	23,3	93,0	163,7	2.610,0	653,7	
3	Ban QLRRPH Mường Lát	240,0	2.526,7	2.310,0	18,0	72,0	126,7	2.020,0	506,7	
4	Đoàn Kinh tế Quốc phòng 5	240,0	2.526,7	2.310,0	18,0	72,0	126,7	2.020,0	506,7	
5	Đồn Biên phòng Quang Chiêu (48)	80,0	842,2	770,0	6,0	24,0	42,2	680,0	162,2	
6	Đồn Biên phòng Tén Tán (485)	50,0	526,4	481,3	3,8	15,0	26,4	438,8	87,6	
7	Đồn Biên phòng Tam Chung (483)	80,0	842,2	770,0	6,0	24,0	42,2	670,0	172,2	
8	Đồn Biên phòng Pù Nhi (493)	80,0	842,2	770,0	6,0	24,0	42,2	670,0	172,2	
9	Đồn Biên phòng Trung Lý (491)	80,0	842,2	770,0	6,0	24,0	42,2	670,0	172,2	
10	Khu BTTN Pù Hu	230,0	2.421,4	2.213,8	17,3	69,0	121,4	1.940,0	481,4	
11	Sở Tài chính		15,0				15,0	15,0		
12	Chi cục Lâm nghiệp		48,0				48,0	48,0		